

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

(Khoanh tròn vào chữ cái A, B, C hoặc D trước đáp án đúng.)

Câu 1. Việc quản trị CSDL trên máy tính nói chung mang lại lợi ích:

- A. Tăng tính sẵn sàng, hạn chế khả năng phân tích và khai thác dữ liệu.
- B. Giảm thiểu các sai sót trong quản lý dữ liệu.
- C. Tăng tính minh bạch và công khai trong quản lý dữ liệu.
- D. Tăng khả năng truy cập dữ liệu từ xa.

Câu 2. Do đâu mà Quản lý CSDL trên máy tính thường nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và công sức hơn so với quản lý thủ công?

- A. Dữ liệu trong CSDL có thể được tìm kiếm, lọc, và phân tích theo nhiều tiêu chí khác nhau trong thời gian ngắn, giúp người quản lý dễ dàng đưa ra quyết định hoặc tìm kiếm thông tin cần thiết.
- B. Các hoạt động cập nhật và chỉnh sửa dữ liệu trên máy tính thường được tự động hóa và có thể được thực hiện đồng thời trên nhiều bản ghi, giúp tiết kiệm thời gian và giảm bớt công sức so với quản lý thủ công mà phải xử lý từng bản ghi một.
- C. Được trải nghiệm nhiều tính năng khác nhau: nghe, gọi, chơi trò chơi, xem video...
- D. Dữ liệu trong CSDL có thể được bảo vệ bằng các biện pháp bảo mật như mã hóa.

Câu 3. Do đâu mà Quản lý CSDL trên máy tính mang lại khả năng tra cứu và phân tích dữ liệu hiệu quả hơn so với quản lý thủ công?

- A. Dữ liệu trong CSDL có thể được tìm kiếm, lọc, và phân tích theo nhiều tiêu chí khác nhau trong thời gian ngắn, giúp người quản lý dễ dàng đưa ra quyết định hoặc tìm kiếm thông tin cần thiết.
- B. Các hoạt động cập nhật và chỉnh sửa dữ liệu trên máy tính thường được tự động hóa và có thể được thực hiện đồng thời trên nhiều bản ghi, giúp tiết kiệm thời gian và giảm bớt công sức so với quản lý thủ công mà phải xử lý từng bản ghi một.
- C. Được trải nghiệm nhiều tính năng khác nhau: nghe, gọi, chơi trò chơi, xem video...
- D. Dữ liệu trong CSDL có thể được bảo vệ bằng các biện pháp bảo mật như mã hóa.

Câu 4. Phát biểu nào SAI khi so sánh việc quản lý thủ công với việc quản lý CSDL trên máy tính?

- A. Quản lý CSDL trên máy tính cung cấp khả năng kiểm soát truy cập và độ bảo mật cao hơn so với quản lý thủ công.
- B. Quản lý CSDL trên máy tính thường nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và công sức hơn so với quản lý thủ công.
- C. Quản lý CSDL trên máy tính mang lại khả năng tra cứu và phân tích dữ liệu hiệu quả hơn so với quản lý thủ công.
- D. Quản lý CSDL trên máy tính có khả năng phân tích và khai thác tra cứu dữ liệu hạn chế hơn so với quản lý thủ công.




Câu 5. Do đâu mà Quản lý CSDL trên máy tính cung cấp khả năng kiểm soát truy cập và độ bảo mật cao hơn so với quản lý thủ công?

- A. Dữ liệu trong CSDL có thể được tìm kiếm, lọc, và phân tích theo nhiều tiêu chí khác nhau trong thời gian ngắn, giúp người quản lý dễ dàng đưa ra quyết định hoặc tìm kiếm thông tin cần thiết.
- B. Các hoạt động cập nhật và chỉnh sửa dữ liệu trên máy tính thường được tự động hóa và có thể được thực hiện đồng thời trên nhiều bản ghi, giúp tiết kiệm thời gian và giảm bớt công sức so với quản lý thủ công mà phải xử lý từng bản ghi một.
- C. Được trải nghiệm nhiều tính năng khác nhau: nghe, gọi, chơi trò chơi, xem video...
- D. Dữ liệu trong CSDL có thể được bảo vệ bằng các biện pháp bảo mật như mã hóa.

Câu 6. Hệ thống quản trị CSDL có thể

- A. đơn giản hóa quá trình tuyển dụng.
- B. cung cấp dữ liệu chính xác về nhân viên.

- C. tính toán lương thưởng, quản lý chấm công, và đánh giá hiệu suất.
D. đỡ vất vả với những dữ liệu không được phép sai sót.
- Câu 7.** Đâu không phải là hạn chế của việc quản lý dữ liệu thủ công?
A. Khó kiểm soát.
B. Đòi hỏi nhiều công sức.
C. Vất vả với những dữ liệu không được phép sai sót.
D. Tính nhất quán và khả năng chia sẻ.
- Câu 8.** Phát biểu nào SAI khi nói về lợi ích của hệ QTCSDDL trong ngân hàng?
A. Tài khoản đích trong mỗi giao dịch có thể được kiểm tra xác nhận trước khi giao dịch.
B. Cho phép cài đặt bổ sung các dịch vụ phần mềm hỗ trợ giao dịch trực tuyến trên máy tính, di động.
C. Việc tìm kiếm, xác định một khách hàng trong các giao dịch đã thực hiện nhanh chóng.
D. Tiền tệ luân chuyển nhanh tuy phải mất nhiều thời gian.
- Câu 9.** MySQL có hạn chế nào sau đây?
A. Phải có một phần mềm giúp giao tiếp với MySQL.
B. Miễn phí nên khi sử dụng dễ xảy ra lỗi.
C. Giao diện dòng lệnh không thuận tiện với người dùng mới.
D. Mã nguồn mở nên khó kiểm soát.
- Câu 10.** Hệ quản trị CSDL MySQL có đặc điểm
A. cho phép quản trị các CSDL quan hệ có quy mô vừa phải.
B. phần mềm đóng gói.
C. chỉ phù hợp cho việc quản trị các CSDL trên Internet.
D. gọn nhẹ, tốc độ xử lý nhanh, hỗ trợ quản lý chặt chẽ sự nhất quán dữ liệu, đảm bảo an ninh và an toàn dữ liệu.
- Câu 11.** Hãy chọn câu ghép đúng MySQL là
A. phần mềm khách hỗ trợ truy xuất vào CSDL trên máy tính.
B. hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
C. phần mềm quản lý nội dung phổ biến trên Internet.
D. phần mềm thường được tích hợp vào các ứng dụng quản lý.
- Câu 12.** Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào đúng?
A. MySQL chỉ có thể chạy trên nền hệ điều hành MS Windows.
B. MySQL có thể chạy trên cả hệ điều hành nguồn mở LINUX nếu cài đặt trên LINUX một phần mềm mô phỏng MS Windows.
C. MySQL không thể chạy được trên hệ điều hành nguồn mở LINUX.
D. MySQL có các phiên bản riêng để chạy được trên các hệ điều hành khác nhau: MS Windows, LINUX, Mac OS và UNIX.
- Câu 13.** Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào là đúng nhất?
A. HeidiSQL là phần mềm QTCSDDL theo chuẩn SQL.
B. HeidiSQL là phần mềm cho phép làm việc với các CSDL trên MS Windows.
C. HeidiSQL là một phần mềm khách với giao diện đồ họa có thể truy cập cho hầu hết các hệ CSDL phổ biến như MySQL, MariaDB, Microsoft SQL Server, PostgreSQL.
D. HeidiSQL là một phần mềm khách với giao diện đồ họa cho hệ QTCSDDL MySQL
- Câu 14.** Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào là đúng?
A. HeidiSQL là một phần mềm nguồn mở miễn phí, có giao diện đồ họa thân thiện, có thể dùng thay thế cho phần mềm khách MySQL.exe.
B. Chỉ cần cài đặt HeidiSQL là có thể làm việc được với các CSDL trên môi trường MS Windows.
C. HeidiSQL là một phần mềm thiết yếu mà không có nó sẽ không thể truy xuất được vào các hệ QTCSDDL.
D. HeidiSQL là phần mềm được đóng gói sẵn với bộ cài đặt MySQL
- Câu 15.** Phát biểu nào SAI khi nói về ưu điểm HeidiSQL?
A. Phần mềm mã nguồn mở, miễn phí
B. Giúp kết nối, làm việc với nhiều hệ QTCSDDL
C. Có hỗ trợ tiếng Việt
D. Giao diện dòng lệnh
- Câu 16.** HeidiSQL là một
A. ngôn ngữ truy vấn cơ sở dữ liệu.
B. trình biên dịch mã nguồn mở.
C. trình quản lý cơ sở dữ liệu MySQL.
D. framework phát triển ứng dụng web.
- Câu 17.** Đâu là mục đích của việc tổ chức lại bảng dữ liệu?
A. Phân tích và sắp xếp lại dữ liệu để hạn chế dữ liệu lặp lại
B. Tổng kết tất cả các thông tin cần quản lý
C. Xem xét lại các bài toán quản lý
D. Xác định các loại khóa

- Câu 18.** Chọn câu trả lời đúng nhất. Tại sao phải tổ chức lại bảng dữ liệu gồm nhiều bảng thay vì ít bảng hơn?
- A. Để ngắn gọn và dễ hiểu. B. Để nhìn đẹp mắt hơn.
C. Để khắc phục tình trạng dữ liệu bị trùng lặp. D. Để dễ nhập dữ liệu hơn.
- Câu 19.** Để tạo cơ sở dữ liệu, cách thực hiện nào sau đây là đúng?
- A. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Create new; Chọn Database; Nhập tên bảng.
B. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Create new; Chọn Table; Nhập tên CSDL.
C. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Database; Chọn Create new; Nhập tên CSDL.
D. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Create new; Chọn Database; Nhập tên CSDL.
- Câu 20.** Để tạo lập CSDL **mymusic**, có các bước thực hiện sau:
1. Nháy chuột phải ở vùng danh sách các CSDL đã có;
 2. Chọn Database;
 3. Chọn Create new;
 4. Nhập mymusic;
 5. Chọn OK.
- Sắp xếp lại các bước để được cách làm đúng.
- A. 3, 2, 1, 4, 5 B. 1, 4, 3, 2, 5 C. 1, 2, 3, 4, 5 D. 1, 3, 2, 4, 5
- Câu 21.** Về các kiểu dữ liệu của các trường. Để đơn giản, các trường khoá chính thường có kiểu ... và tự động tăng giá trị (AUTO_INCREMENT). Hãy điền từ còn thiếu vào dấu ba chấm.
- A. FLOAT B. CHAR C. INT D. VARCHAR
- Câu 22.** Về các kiểu dữ liệu của các trường. Các trường tenNhacsi, tenCasi, tenBannhac có thể chọn là ... có độ dài tối đa 255 kí tự (VARCHAR(255)). Hãy điền từ còn thiếu và dấu ba chấm.
- A. kiểu số nguyên B. trường khoá chính C. trường khoá ngoài D. xâu kí tự
- Câu 23.** Tạo lập bảng nhacsi(idNhacsi, tenNhacsi), idNhacsi kiểu INT, tenNhacsi kiểu VARCHAR (255). Vậy **INT**, **VARCHAR** và **255** được khai báo ở các nhãn nào?
- A. INT được khai báo ở nhãn Kiểu dữ liệu, VARCHAR được khai báo ở nhãn Length/Set, 255 được khai báo ở nhãn Allow NULL.
B. INT và VARCHAR được khai báo ở nhãn Kiểu dữ liệu, 255 được khai báo ở nhãn Allow NULL.
C. INT và VARCHAR được khai báo ở nhãn Kiểu dữ liệu, 255 được khai báo ở nhãn Length/Set.
D. INT và VARCHAR được khai báo ở nhãn Length/Set, 255 được khai báo ở nhãn Kiểu dữ liệu.
- Câu 24.** Để chọn **AUTO INCREMENT** cho trường khoá chính, ta chọn ở vị trí nào sau đây?
- A. Phía dưới nhãn Kiểu dữ liệu. B. Phía dưới nhãn Length/Set.
C. Phía dưới nhãn Default. D. Phía dưới nhãn Allow NULL.
- Câu 25.** Để thêm trường vào bảng, cách làm nào sau đây là đúng?
- A. Nháy vào  **Add** hoặc bấm phím Shift+Insert hoặc nháy chuột phải chọn Add column.
B. Nháy vào  **Add** hoặc bấm phím Ctrl+Insert hoặc nháy chuột phải chọn New column.
C. Nháy vào Thêm trường hoặc bấm phím Ctrl+Insert hoặc nháy chuột phải chọn Add column.
D. Nháy vào  **Add** hoặc bấm phím Ctrl+Insert hoặc nháy chuột phải chọn Add column.
- Câu 26.** Xác định các bước phân tích để thiết lập mô hình dữ liệu cho một bài toán quản lí?
- A. Xem xét bài toán, xác định cấu trúc bảng, tổ chức lại bảng, khóa và kiểu dữ liệu
B. Xem xét bài toán, xác định cấu trúc bảng, khóa và kiểu dữ liệu, tổ chức lại bảng
C. Xem xét bài toán, khóa và kiểu dữ liệu, tổ chức lại bảng, xác định cấu trúc bảng
D. Xem xét bài toán, tổ chức lại bảng, xác định cấu trúc bảng, khóa và kiểu dữ liệu
- Câu 27.** Để tạo bảng, cách thực hiện nào sau đây là đúng?
- A. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Create new; Chọn Database; Nhập tên bảng.
B. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Create new; Chọn Table; Nhập tên bảng.
C. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Table; Chọn Create new; Nhập tên bảng.
D. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Create new; Chọn Database; Nhập tên CSDL.
- Câu 28.** Hãy cho biết **Cơ sở dữ liệu** và **Bảng** có liên quan gì với nhau?

A. Cơ sở dữ liệu và Bảng cùng cấp.

B. Bảng chứa Cơ sở dữ liệu.

C. Cơ sở dữ liệu và Bảng không tồn tại đồng thời.

D. Cơ sở dữ liệu chứa Bảng.

Câu 29. Quan sát hình bên dưới và cho biết vì sao trường idNhacsi xuất hiện chữ (NULL).

Máy chủ: 127.0.0.1	Cơ sở dữ liệu: mymusic	Table: nhacsi	Dữ liệu
mymusic.nhacsi: 0 rows total (approximately)			
idNhacsi	tenNhacsi		
(NULL)	"		

A. Vì trường idNhacsi là khoá chính nên không cần nhập dữ liệu cho trường này.

B. Vì trường idNhacsi là khoá ngoài nên không cần nhập dữ liệu cho trường này.

C. Vì trường idNhacsi là khoá không trùng lặp nên không cần nhập dữ liệu cho trường này.

D. Vì trường idNhacsi có kiểu INT, AUTO_INCREMENT (tự động điền giá trị) nên không cần nhập dữ liệu cho trường này.

Câu 30. Thêm mới dữ liệu vào bảng bannhac. Chọn bảng bannhac, nhấp chuột chọn thẻ Dữ liệu, bấm phím Insert trên bàn phím. Xuất hiện hình như bên dưới, hãy quan sát hình và cho biết không cần thêm dữ liệu cho trường nào?

idBannhac	tenBannhac	idNhacsi
(NULL)	"	0

liệu cho trường nào?

A. Trường tenBannhac

B. Trường idBannhac

C. Trường idNhacsi

D. Không cần thêm dữ liệu cho trường nào cả.

Câu 31. Để nhập dữ liệu cho khóa ngoài, ta thực hiện:

A. Không cần nhập vì khóa ngoài có kiểu dữ liệu là tự động

B. Nháy đúp chuột vào trường dữ liệu cần nhập và nhập bình thường như các trường dữ liệu khác

C. Đối chiếu với bảng có chứa khóa đó ở bảng khác

D. Nháy đúp chuột vào trường dữ liệu cần nhập và chọn dữ liệu trong danh sách

Câu 32. Trong phần mềm HeidiSQL, để thêm khai báo trường tiếp theo ta dùng tổ hợp phím

A. Ctrl + Delete.

B. Ctrl + Insert.

C. Ctrl + Enter.

D. Ctrl + Alt.

Câu 33. Để khai báo khoá chính cho trường, ta thực hiện:

A. Nháy chuột phải vào tên trường muốn khai báo khoá chính, chọn Add column, chọn KEY.

B. Nháy chuột phải vào tên trường muốn khai báo khoá chính, chọn Add column, chọn PRIMARY.

C. Nháy chuột phải vào tên trường muốn khai báo khoá chính, chọn Create new index, chọn KEY.

D. Nháy chuột phải vào tên trường muốn khai báo khoá chính, chọn Create new index, chọn PRIMARY.

Câu 34. Trong phần mềm HeidiSQL, để khai báo khóa chính cho một bảng ta nhấp chuột phải vào trường cần đặt làm khóa chính, sau đó chọn lệnh nào?

A. Create new index / PRIMARY.

B. Create new index / KEY.

C. Create new index / UNIQUE.

D. Create new index / FULLTEXT.

Câu 35. Các trường là khoá ngoài của bảng là các trường tham chiếu đến một trường ... của một bảng khác. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

A. khoá chính

B. khoá ngoài

C. khoá cấm trùng lặp

D. dữ liệu

Câu 36. Khi nào thì dùng đến thẻ Foreign keys?

A. Khi các thao tác liên quan đến khoá chính.

B. Khi các thao tác liên quan đến khoá ngoài.

C. Khi các thao tác liên quan đến khoá cấm trùng lặp.

D. Khi các thao tác liên quan đến dữ liệu.

Câu 37. Trong cửa sổ HeidiSQL, khi thực hiện sao lưu CSDL ở dòng Data chọn lệnh Delete + insert để

A. khi phục hồi thì xóa dữ liệu cũ (nếu có) trước khi chèn vào dữ liệu đã sao lưu.

B. khi phục hồi thì xóa dữ liệu cũ (nếu có) trước khi chèn dữ liệu mới vào.

C. khi phục hồi thì xóa đi đối tượng cũ (nếu có) sau đó tạo đối tượng mới.

D. khi phục hồi thì chèn đi dữ liệu đã sao lưu vào sau đó xóa đi dữ liệu cũ.

Câu 38. Để khai báo khoá ngoài, nhấp vào

A. thẻ Indexes.

B. thẻ Foreign keys.

C. thẻ Basic.

D. thẻ Check constraints.

Câu 39. Quan sát hình bên dưới và cho biết trường nào là khoá chính, trường nào là khoá ngoài?

#	Tên	Kiểu dữ liệu	Length/Set	Unsigned	Allow NULL	Zero fill	Mặc định
1	idBannhac	INT		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	AUTO_INCREMENT
2	tenBannhac	VARCHAR	255	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3	idNhacsi	INT		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	0

- A. Trường khoá chính là trường idBannhac, trường khoá ngoài là trường tenBannhac.
 B. Trường khoá chính là trường idNhacsi, trường khoá ngoài là trường idBannhac.
 C. Trường khoá chính là trường idBannhac, trường khoá ngoài là trường idNhacsi.
 D. Trường khoá chính là trường idNhacsi, trường khoá ngoài là trường tenBannhac.

Câu 40. Trong màn hình tạo khoá ngoài, sau khi nhấp chuột vào thẻ Foreign keys tiếp theo nhấp chuột vào thẻ

- A. Indexes. B. Option. C. Basic. D. Add.

Câu 41. Để tạo khoá ngoài idNhacsi, có các bước như sau:

1. Chọn Thêm mới;
 2. Chọn thẻ Foreign keys;
 3. Nhấp chuột vào ô phía dưới Columns và chọn trường khoá ngoài là idNhacsi rồi chọn OK;
 4. Nhấp chuột vào ô phía dưới Reference table và chọn bảng tham chiếu là nhacsi rồi chọn OK;
 5. Nhấp chuột vào ô phía dưới Foreign columns và chọn trường tham chiếu cho bảng nhacsi là idNhacsi rồi chọn OK;
 6. Chọn Lưu.
- Sắp xếp lại các bước để có cách thực hiện đúng.

- A. 1, 2, 3, 4, 5, 6 B. 3, 1, 2, 4, 5, 6 C. 2, 1, 3, 4, 5, 6 D. 3, 2, 1, 4, 5, 6

Câu 42. Để khai báo khoá cấm trùng lặp, cách thực hiện nào sau đây là đúng?

- A. Đánh dấu các trường muốn khai báo làm khoá chống trùng lặp, nhấp chuột phải vào vùng đã đánh dấu, chọn Create new index, chọn PRIMARY.
 B. Đánh dấu các trường muốn khai báo làm khoá chống trùng lặp, nhấp chuột phải vào vùng đã đánh dấu, chọn Create new index, chọn KEY.
 C. Đánh dấu các trường muốn khai báo làm khoá chống trùng lặp, nhấp chuột phải vào vùng đã đánh dấu, chọn Create new index, chọn UNIQUE.
 D. Đánh dấu các trường muốn khai báo làm khoá chống trùng lặp, nhấp chuột phải vào vùng đã đánh dấu, chọn Add to index, chọn PRIMARY.

Câu 43. Chọn câu trả lời đúng nhất. Quan sát hình bên dưới và cho biết trường nào là trường khoá cấm trùng

#	Tên	Kiểu dữ liệu	Length/Set	Unsigned	Allow NULL	Zero fill	Mặc định
1	idBannhac	INT		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	AUTO_INCREMENT
2	tenBannhac	VARCHAR	255	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3	idNhacsi	INT		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	0

lặp?

- A. Trường khoá cấm trùng lặp là trường tenBannhac và trường idNhacsi.
 B. Trường khoá cấm trùng lặp là trường idBannhac và trường tenBannhac.
 C. Trường khoá cấm trùng lặp là trường idBannhac và trường idNhacsi.
 D. Không có trường nào là trường khoá cấm trùng lặp.

Câu 44. Trường idNhacsi là trường khoá ngoài của bảng bannhac, đã được khai báo ... đến trường idNhacsi của bảng nhacsi, vì vậy để đảm bảo tính nhất quán, giá trị hợp lệ chỉ có thể lấy từ các giá trị của idNhacsi có trong bảng nhacsi. Nhấp đúp chuột vào trường idNhacsi và chọn tên nhạc sĩ trong hộp danh sách. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm

- A. dữ liệu B. liên quan C. tham chiếu D. khoá chính

Câu 45. Để thêm mới dữ liệu vào bảng nhacsi, chọn bảng nhacsi rồi nhấp vào một trong các thẻ nào trong hình bên dưới?

- A. Nhấp vào thẻ Database: mymusic. B. Nhấp vào thẻ Table: nhacsi.
 C. Nhấp vào thẻ Data. D. Nhấp vào thẻ Query.

Câu 46. Để thêm vào một hàng dữ liệu mới, cách làm nào sau đây là đúng nhất?

- A. Bấm phím Insert hoặc nhấp vào biểu tượng dấu cộng (+) hoặc nhấp chuột phải lên vùng dữ liệu của bảng và chọn Làm mới.

- B. Bấm phím Insert hoặc nháy vào biểu tượng dấu cộng (+) hoặc nháy chuột phải lên vùng dữ liệu của bảng và chọn Insert row.
- C. Bấm phím Insert hoặc nháy vào biểu tượng dấu nhân (x) hoặc nháy chuột phải lên vùng dữ liệu của bảng và chọn Insert row.
- D. Bấm phím Ctrl hoặc nháy vào biểu tượng dấu cộng (+) hoặc nháy chuột phải lên vùng dữ liệu của bảng và chọn Insert row.

Câu 47. Giả sử dữ liệu nhập có sai sót, cần sửa lại ta thực hiện:

- A. Nháy chuột trái vào ô nhập sai rồi nhập lại cho đúng.
- B. Nháy chuột trái vào ô nhập sai và bấm phím Insert rồi nhập lại cho đúng.
- C. Nháy đúp chuột vào ô nhập sai rồi nhập lại cho đúng.
- D. Nháy chuột phải vào ô nhập sai và chọn Làm mới rồi nhập lại cho đúng.

Câu 48. Để xoá các dòng dữ liệu trong bảng, các thao tác nào sau đây là đúng?

- A. Chọn các dòng dữ liệu muốn xoá, bấm tổ hợp phím Shift + Delete hoặc nháy chuột vào dấu (x) hoặc nháy chuột phải vào các dòng dữ liệu muốn xoá và chọn Xoá hàng (nhiều hàng) đã chọn, nháy OK.
- B. Chọn các dòng dữ liệu muốn xoá, bấm tổ hợp phím Ctrl + Delete hoặc nháy chuột vào dấu (x) hoặc nháy chuột phải vào các dòng dữ liệu muốn xoá và chọn Xoá hàng (nhiều hàng) đã chọn, nháy OK.
- C. Chọn các dòng dữ liệu muốn xoá, bấm tổ hợp phím Ctrl + Delete hoặc nháy chuột vào dấu (+) hoặc nháy chuột phải vào các dòng dữ liệu muốn xoá và chọn Xoá hàng (nhiều hàng) đã chọn, nháy OK.
- D. Chọn các dòng dữ liệu muốn xoá, bấm tổ hợp phím Alt + Delete hoặc nháy chuột vào dấu (x) hoặc nháy chuột phải vào các dòng dữ liệu muốn xoá và chọn Xoá hàng (nhiều hàng) đã chọn, nháy OK.

Câu 49. Để xem toàn bộ dữ liệu trong bảng nhacsi, cách thực hiện nào sau đây là đúng?

- A. Chọn bảng nhacsi, nháy vào thẻ Table: nhacsi.
- B. Chọn bảng nhacsi, nháy vào thẻ Database: mymusic.
- C. Chọn bảng nhacsi, nháy vào thẻ Data.
- D. Chọn bảng nhacsi, nháy vào thẻ Query.

Câu 50. Để lấy ra danh sách dữ liệu thoả mãn một yêu cầu nào đó có thể thực hiện các thao tác lọc nào sau đây là đúng?

- A. Nháy chuột phải vào vùng dữ liệu phía dưới tên trường muốn lọc dữ liệu, chọn Find Text, chọn một trong các điều kiện để lọc.
- B. Nháy chuột phải vào vùng dữ liệu phía dưới tên trường muốn lọc dữ liệu, chọn Quick Filter, chọn một trong các điều kiện để lọc.
- C. Nháy chuột trái vào vùng dữ liệu phía dưới tên trường muốn lọc dữ liệu, chọn Quick Filter, chọn một trong các điều kiện để lọc.
- D. Nháy chuột phải vào vùng dữ liệu phía dưới tên trường muốn lọc dữ liệu, chọn Xuất lưới dữ liệu, chọn một trong các điều kiện để lọc.

Câu 51. Để làm việc với câu truy vấn SQL, cần chọn một trong các thẻ nào sau đây?

- A. Thẻ Table
- B. Thẻ Database.
- C. Thẻ Query.
- D. Thẻ Data.

Câu 52. Bảng **banthuum** được viết ngắn gọn như sau:

`banthuum(idBanthuum, tenBannhac, tenNhacsi, tenCasi)`

Hãy cho biết trong bảng **banthuum** trường nào được chọn làm khoá chính, vì sao?

- A. Trường tenBannhac được chọn làm khoá chính, vì trường tenBannhac xác định duy nhất một bản nhạc.
- B. Trường tenNhacsi được chọn làm khoá chính, vì trường tenNhacsi xác định duy nhất một nhạc sĩ.
- C. Trường tenCasi được chọn làm khoá chính, vì trường tenCasi xác định duy nhất một ca sĩ.
- D. Trường idBanthuum được chọn làm khoá chính, vì trường idBanthuum xác định duy nhất một bản thu âm.

Câu 53. Bảng **banthuum** và bảng **casi** được viết ngắn gọn như:

`banthuum(idBanthuum, tenBannhac, tenNhacsi, idCasi)`

`casi(idCasi, tenCasi)`

Hãy chỉ ra trường khoá chính và trường khoá ngoài cho các bảng?

- A. idCasi trong bảng casi là trường khoá chính của bảng casi, idBanthuam là trường khoá ngoài của bảng banthuum, idCasi trong bảng banthuum là trường khoá chính của bảng banthuum.
- B. idCasi trong bảng casi là trường khoá chính của bảng casi, idBathuam là trường khoá chính của bảng banthuum, idCasi trong bảng banthuum là trường khoá ngoài của bảng banthuum.
- C. idCasi trong bảng casi là trường khoá ngoài của bảng casi, idBathuam là trường khoá chính của bảng banthuum, idCasi trong bảng banthuum là trường khoá ngoài của bảng banthuum.
- D. idCasi trong bảng casi là trường khoá chính của bảng banthuum, idBathuam là trường khoá chính của bảng banthuum, idCasi trong bảng banthuum là trường khoá ngoài của bảng banthuum.

Câu 54. Bảng **banthuum**, **casi** và **bannhac** được viết ngắn gọn như:

```
banthuum(idBanthuum, idBannhac, idCasi)
casi(idCasi, tenCasi)
bannhac(idBannhac, tenBannhac, tenNhacsi)
Hãy cho biết các bảng trên quan hệ với nhau thông qua các trường nào?
```

- A. Bảng banthuum quan hệ với bảng casi thông qua trường idCasi, bảng banthuum quan hệ với bảng bannhac thông qua trường tenBannhac.
- B. Bảng banthuum quan hệ với bảng casi thông qua trường tenCasi, bảng banthuum quan hệ với bảng bannhac thông qua trường idBannhac.
- C. Bảng banthuum quan hệ với bảng casi thông qua trường idCasi, bảng banthuum quan hệ với bảng bannhac thông qua trường idBannhac.
- D. Bảng banthuum quan hệ với bảng casi thông qua trường tenCasi, bảng banthuum quan hệ với bảng bannhac thông qua trường tenBannhac.

Câu 55. Hãy kể tên các loại khoá?

- A. Khoá chính, khoá phụ, khoá cấm trùng lặp giá trị.
- B. Khoá chính, khoá ngoài, khoá trùng lặp giá trị.
- C. Khoá trong, khoá ngoài, khoá cấm trùng lặp giá trị.
- D. Khoá chính, khoá ngoài, khoá cấm trùng lặp giá trị.

II. TRẮC NGHIỆM DẠNG ĐÚNG/ SAI

Câu 1. Cho cơ sở dữ liệu gồm các bảng sau:

```
Sach (Masach, Tensach, Matacgia, Matheloai, MaNXB, NamXB)
Tactgia (Matacgia, Tentacgia, website, Ghichu)
Theloai (Matheloai, Tentheloai)
SELECT Tensach, Tentheloai
FROM sach INNER JOIN theloai
ON Sach.Matheloai= Theloai. Matheloai
```

Các nhận xét sau là đúng hay sai?

- a) Bảng **Sach** và bảng **Theloai** liên kết nhau thông qua Matheloai.
- b) Trong bảng **Sach**: **Matacgia**, **Matheloai** đều là các khóa ngoài.
- c) Bảng **Sach** và bảng **Tactgia** không thể liên kết được với nhau .
- d) Truy vấn trên lấy danh sách tất cả các thông tin của bảng **Sach** và bảng **Theloai**.

Câu 2. Cho CSDL Mymusic gồm các bảng:

```
Casi (idCasi,tenCasi);
Nhacsi(idNhacsi,tenNhacsi);
Bannhac(idBannhac, tenBannhac, idNhacsi);
Banthuum(idBanthuum, idBannhac, idCasi);
```

Phát biểu nào sau đây là đúng ?

- a) Khóa chính của bảng Casi là tenCasi.
- b) Trường tenCasi có kiểu dữ liệu là INT.
- c) Dữ liệu của bảng Casi chứa thông tin của nhiều ca sĩ.
- d) Trường idCaSi trong bảng **Banthuum** là khoá ngoài.

Câu 3. Khi tạo bảng "nhacsi", để trường **idNhacsi** tự động tăng giá trị mỗi khi thêm bản ghi mới, trong các tùy chọn sau thì tùy chọn nào đúng và tùy chọn nào sai ?

- a) UNSIGNED b) AUTO_INCREMENT c) DEFAULT d) UNIQUE

Câu 4. Khi thực hiện sao lưu CSDL trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng? phát biểu nào SAI ?

- a) Khi sao lưu toàn bộ CSDL, người dùng cần chọn "Drop và Create" cho cả Database và Table.
b) Sao lưu một phần CSDL không yêu cầu người dùng đánh dấu các bảng cần sao lưu.
c) Tập sao lưu dữ liệu thường được lưu dưới đuôi mặc định là **.ppt**.
d) Để thực hiện việc sao lưu cần nhấn chọn **Export**.

Câu 5. Dữ liệu về dân số nước ta từ năm 2019 đến năm 2023 có trong niên giám số liệu thống kê của Tổng cục thống kê. Việc quản lý dữ liệu này có ý nghĩa quan trọng trong hoạch định một số chính sách quốc gia. Để lưu trữ và khai thác dữ liệu về dân số hàng năm theo từng khu vực, có thể tạo cơ sở dữ liệu với các bảng sau:

- KHUVUC (*maKV, tenKV*): lưu thông tin mã khu vực và tên khu vực; mỗi khu vực có một mã khu vực duy nhất.
- TINH (*maTinh, maKV, tenTinh*): lưu thông tin mã tỉnh, mã khu vực và tên tỉnh; mỗi tỉnh chỉ thuộc về một khu vực và mỗi khu vực có thể có nhiều tỉnh.
- DANSO (*maTinh, nam, danSoTB*) lưu thông tin: mã tỉnh, năm và dân số trung bình của năm. Sau khi tìm hiểu cơ sở dữ liệu trên, một số học sinh đưa ra các ý kiến sau:
 - a) Trường *maKV* là khóa ngoài của bảng KHUVUC.
 - b) Nhóm hai trường *maTinh* và *nam* là khóa chính của bảng DANSO.
 - c) Chỉ cần liên kết hai bảng TINH và DANSO theo khóa *maTinh* là có thể kết xuất được thông tin đầy đủ gồm: tên tỉnh, tên khu vực, năm và dân số trung bình của năm.
 - d) Để đưa ra được thông tin gồm tên tỉnh, năm và dân số trung bình của năm 2020, có thể thực hiện câu truy vấn với các thành phần sau:
 - + Các bảng và trường được chọn: *TINH.tenTinh, DANSO.nam, DANSO.danSoTB*.
 - + Các bảng được liên kết qua khóa: TINH liên kết DANSO qua khóa *maTinh*.
 - + Điều kiện kết xuất dữ liệu: *DANSO.nam = 2020*.

Câu 6. Dữ liệu về thời tiết ở nước ta từ năm 2019 đến năm 2023 có trong niên giám số liệu thống kê của Tổng cục thống kê. Nguồn dữ liệu này được thu thập từ các trạm quan trắc đặt tại nhiều địa điểm khác nhau. Trong đó, lượng mưa từng tháng và nhiệt độ trung bình hàng năm là các dữ liệu thường được quan tâm nhiều nhất. Để lưu trữ và khai thác nguồn dữ liệu này, có thể tạo cơ sở dữ liệu với các bảng sau:

- TRAM (*maTram, tenTram*): lưu thông tin mã trạm quan trắc và tên trạm quan trắc; mỗi trạm có một mã duy nhất.
- MUA (*maTram, nam, thang, luongMua*): lưu thông tin mã trạm quan trắc, năm, tháng và lượng mưa của tháng trong năm.
- NHIETDO (*maTram, nam, nhietDoTB*): lưu thông tin mã trạm quan trắc, năm và nhiệt độ trung bình của năm. Sau khi tìm hiểu cơ sở dữ liệu trên, một số bạn học sinh đưa ra các nhận xét sau:
 - a) Trường *maTram* là khóa chính của bảng TRAM.
 - b) Nhóm hai trường *maTram* và *nam* là khóa chính của bảng MUA.
 - c) Chỉ cần liên kết hai bảng TRAM và MUA theo khóa *maTram* là có thể kết xuất được thông tin gồm: tên trạm quan trắc, năm, tháng và lượng mưa của tháng trong năm.
 - d) Để đưa ra được thông tin gồm tên trạm quan trắc, năm và nhiệt độ trung bình của năm 2020, cần thực hiện câu truy vấn với các thành phần sau:
 - + Các bảng và trường được chọn: *TRAM.tenTram, NHIETDO.nam, NHIETDO.nhietDoTB*.
 - + Các bảng được liên kết qua khóa: TRAM liên kết MUA qua khóa *maTram*.
 - + Điều kiện kết xuất dữ liệu: *NHIETDO.nam = 2020*.

Câu 7. Trong niên giám số liệu thống kê có dữ liệu từ năm 2019 đến năm 2023 về tổng vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài, được cấp phép phân theo địa phương (có hiệu lực đến 31/12/2023). Cần tạo cơ sở dữ liệu với các bảng sau để lưu trữ và khai thác nguồn dữ liệu này.

- KHUVUC (*maKV, tenKV*): lưu thông tin mã khu vực và tên khu vực; mỗi khu vực có một mã khu vực duy nhất.

- DIAPHUONG (*maDP, tenDP, maKV*): lưu thông tin mã địa phương, tên địa phương và mã khu vực; mỗi địa phương chỉ thuộc một khu vực và mỗi khu vực có thể có một số địa phương.
- DAUTU (*maDP, nam, tongVon*): lưu thông tin mã địa phương, năm và tổng vốn đăng kí đầu tư theo địa phương trong năm.

Sau khi tìm hiểu các phần mềm để quản trị cơ sở dữ liệu trên, một số bạn học sinh đưa ra các ý kiến sau:

- Phần mềm bảng tính có thể lưu trữ cơ sở dữ liệu đã nêu trong một trang tính duy nhất gồm các cột: *maKV, tenKV, maDP, tenDP, nam, tongVon*.
- Khi tạo bảng DAUTU trong phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu, chọn trường *maDP* rồi thiết lập trường này làm khóa chính của bảng.
- Trong phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu, mối quan hệ của 3 bảng đã cho được thiết lập dựa trên việc liên kết từ bảng KHUVUC đến bảng DIAPHUONG và liên kết từ bảng KHUVUC đến bảng DAUTU.
- Để đưa ra thông tin gồm tên khu vực, tên địa phương, năm và tổng vốn đăng kí đầu tư theo địa phương trong năm, có thể thực hiện truy vấn sau:

```
SELECT KHUVUC.tenKV, DIAPHUONG.tenDP, DAUTU.nam, DAUTU.tongVon
FROM KHUVUC INNER JOIN (DIAPHUONG INNER JOIN DAUTU ON DIAPHUONG.maDP =
DAUTU.maDP) ON KHUVUC.maKV = DIAPHUONG.maKV
```

Câu 8. Trong niên giám số liệu thống kê của Tổng cục thống kê có dữ liệu từ năm 2019 đến năm 2023 về tổng số lao động của các doanh nghiệp đang hoạt động (có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hàng năm). Dữ liệu này được phân loại theo loại hình doanh nghiệp. Để lưu trữ và khai thác nguồn dữ liệu này, cần tạo một cơ sở dữ liệu với các bảng sau đây:

- NHOM (*maNhom, tenNhom*): lưu thông tin mã nhóm và tên nhóm doanh nghiệp; mỗi nhóm có một mã nhóm duy nhất.
- LOAI (*maLoai, tenLoai, maNhom*): lưu thông tin mã loại hình, tên loại hình và mã nhóm doanh nghiệp; mỗi loại hình thuộc về một nhóm và mỗi nhóm có thể có nhiều loại hình.
- LAODONG (*maLoai, nam, soLaoDong*): lưu thông tin mã loại hình, năm, số lượng lao động của loại hình doanh nghiệp trong năm.

Sau khi tìm hiểu các phần mềm để quản trị cơ sở dữ liệu trên, một số bạn học sinh đưa ra các ý kiến sau:

- Phần mềm bảng tính có thể lưu trữ cơ sở dữ liệu đã nêu trong một trang tính duy nhất gồm các cột: *maNhom, tenNhom, maLoai, tenLoai, nam, soLaoDong*.
- Khi tạo bảng LAODONG trong phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu, chọn *maLoai* và *nam* rồi thiết lập hai trường này làm khóa chính của bảng.
- Trong phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu, mối quan hệ của 3 bảng đã cho được thiết lập dựa trên việc liên kết từ bảng NHOM đến bảng LOAI và liên kết từ bảng NHOM đến bảng LAODONG.
- Để đưa ra thông tin gồm tên nhóm doanh nghiệp, tên loại hình doanh nghiệp, năm và số lượng lao động của loại hình doanh nghiệp năm 2022, thực hiện truy vấn sau:

```
SELECT NHOM.tenNhom, LOAI.tenLoai, LAODONG.nam, LAODONG.soLaoDong
FROM NHOM INNER JOIN LOAI ON NHOM.maNhom = LOAI.maNhom
WHERE LAODONG.nam = 2022
```

----- HẾT -----